

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 23/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích
2. Ông Nguyễn Đức Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 352/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2017/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V; trụ sở: phường L, quận Đ, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1992; địa chỉ: phường B, quận T, Thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 10/11/2017). Ông Nguyễn Thành T có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; cư trú: khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ngày 14/01/2015 bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng tín dụng số 20150113-500002-0210 với Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt Ngân hàng TMCP V) vay số tiền 29.688.164 đồng, lãi suất 3,75%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, với hình thức trả chậm trong 36 tháng để tiêu dùng cá nhân, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.517.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.458.000 đồng, thanh toán vào ngày 19 tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thanh toán từ ngày 19/02/2015. Tổng số tiền gốc và lãi bà M phải thanh toán là 54.553.000 đồng. Thực hiện hợp đồng bà M đã nhận đủ số tiền 29.688.164 đồng, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP V được 09 kỳ với số tiền 13.653.000 đồng. Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà M phải thanh toán 39.483.872 đồng, trong đó nợ gốc còn lại 25.459.466 đồng, nợ lãi là 14.024.406 đồng. Ngân hàng TMCP V tự nguyện không yêu cầu bà M tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày khởi kiện theo hợp đồng tín dụng số 20150113-500002-0210 ngày 14/01/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V trên số tiền 39.483.872 đồng và đề nghị tính lãi chậm thi hành án được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự. Ngoài ra Ngân hàng TMCP V không còn yêu cầu nào khác.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V là bản sao “Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20150113-500002-0210 ngày 14/01/2015 CC104177-2635113” có chữ ký của bà Nguyễn Thị M, đồng thời hai bên lập biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 về việc bà M thanh lý khoản vay cũ và nhận khoản vay mới.

Trong suốt quá trình tố tụng bà M vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà M.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền vay cho mục đích tiêu dùng, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường B, thị xã T, tỉnh B nên Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 14/01/2015 bị đơn ký hợp đồng tín dụng số 20150113-500002-0210 với bị đơn vay số tiền 29.688.164 đồng, lãi suất 3,75%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, với hình thức trả chậm trong 36 tháng để tiêu dùng cá nhân, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.517.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.458.000 đồng, thanh toán vào ngày 19 tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thanh toán từ ngày 19/02/2015. Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán là 54.553.000 đồng. Lời trình bày của bị đơn phù hợp chứng cứ nguyên đơn cung cấp bản sao “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150113-500002-0210 ngày 14/01/2015 CC104177-2635113” có chữ ký của bị đơn, đồng thời hai bên lập biên bản thỏa thuận ngày 14/01/2015 về việc bị đơn thanh lý khoản vay cũ và nhận khoản vay mới. Giao dịch vay số tiền nêu trên, thỏa thuận thời hạn thanh toán, phương thức thanh toán là hoàn toàn tự nguyện, sự thỏa thuận của các bên phù hợp theo Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Qua đó xác định ngày 14/01/2015 bị đơn vay số tiền 29.688.164 đồng của nguyên đơn.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả 09 kỳ với số tiền 13.653.000 đồng, nhưng sau đó không tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn như đã cam kết, xét thấy bị đơn đã nhận đầy đủ khoản tiền vay do nguyên đơn bằng việc phát hành thẻ tín dụng cho bị đơn. Bị đơn đã cam kết thanh toán mỗi tháng 1.517.000 đồng nhưng chỉ thanh toán được 09 tháng thì không tiếp tục thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ của bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Quá trình tố tụng nguyên đơn xác định bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn 39.483.872 đồng, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không hòa giải được, đại diện nguyên đơn yêu cầu xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ 39.483.872 đồng (ba mươi chín triệu, bốn trăm tám ba ngàn, tám trăm bảy hai đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 1.974.193 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 378.441 (ba trăm bảy tám ngàn, bốn trăm bốn một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015882 ngày 01/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Huy Cường